TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2020/HNGĐ-PT.
Ngày: 28-02-2020.
V/v: "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nghĩa

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Thanh

Ông Nguyễn Thanh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thảo - Thư ký TAND tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định:

Ông Đặng Xuân Nam - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 28 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân & gia đình thụ lý số: 17/2020/TLPT-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2020 về "Tranh chấp ly hôn".

Do bản án Hôn nhân & gia đình sơ thẩm số 37/2019/HNGĐ-ST ngày 03/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Định bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 04/2020/QĐ-PT ngày 05 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Thu M, sinh năm 1980 (có mặt)

Cư trú tại: Thôn G, xã C, huyện P, Bình Định

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1978 (có mặt)

Cư trú tại: Thôn G, xã C, huyện P, Bình Định

Người kháng cáo: Bị đơn anh Nguyễn Văn B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 02/7/2019, quá trình tham gia tố tụng giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Phạm Thị Thu M trình bày:*

- Về quan hệ vợ chồng: Chị và anh Nguyễn Văn B đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện P, tỉnh Bình Định vào ngày 06-05-2003; hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống do tính tình, quan điểm sống không phù hợp, nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Vào năm 2017, anh B có gửi đơn đến tòa án xin ly hôn; nhưng sau đó anh B tự rút đơn vợ chồng chung sống lại. Thời gian vợ chồng chị chung sống lại, tình cảm vợ chồng cũng không cải thiện theo hướng tích cực hơn mà càng sống mâu thuẫn càng trở nên trầm trọng, căng thẳng. Tại tòa chị xét thấy tình cảm vợ chồng thật sự bị mai một, sống không mặn mà tha thiết, không có hạnh phúc. Chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn B.

- Về con chung: Vợ chồng chị có 02 người con chung tên Nguyễn Minh H, sinh ngày 22-12-2003; Nguyễn Minh Q, sinh ngày 13-7-2013. Khi ly hôn, chị xin nhận nuôi hết 02 con và yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 1.000.000đ/ tháng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Tại Bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 31-7-2019 chị M trình bày: Vợ chồng chị có 01 ngôi nhà 02 tầng xây dựng trên 100m2 đất ở được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2005; tọa lạc tại thôn Thôn G, xã C, huyện P, Bình Định. Chị thống nhất giá trị nhà và đất như ý kiến của anh B với số tiền là 750 triệu đồng. Chị xin nhận sở hữu, sử dụng ngôi nhà, đất ở và có trách nhiệm thối lại ½ giá trị nhà, đất cho anh B sau khi kết thúc phiên tòa sơ thẩm. Chị thống nhất như ý kiến của anh B vợ chồng chị còn nợ của mẹ ruột chị 05 chỉ vàng y, nhưng vợ chồng chị tự giải quyết trả nợ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai bổ sung ngày ngày 04-9-2019 và tại phiên tòa hôm nay, chị Phạm Thị Thu M trình bày bổ sung về phần tài sản như sau: Sau khi xây dựng ngôi nhà xong vợ chồng chị còn nợ 30 chỉ vàng y và 24 triệu đồng tiền mặt; thời gian liền sau đó do vợ chồng mâu thuẫn không sống chung được nên sống ly thân và vợ chồng thống nhất chia hai số nợ; chị và anh B mỗi người tự trả nợ 15 chỉ vàng y và 12 triệu đồng. Trong khoảng thời gian không sống chung gần 02 năm, lương hàng tháng mỗi người tự giữ, tự chi phí. Phần lương của chị chị chi phí nuôi con, anh B không có đóng góp phần nào. Đối với khoảng nợ chia cho chị chị chưa trả nợ được cho ai, nhưng chị đã tích lũy được khoản tiền 120 triệu đồng (Số tiền này chị tích lũy từ tiền

lương, truy nhận tiền bãi ngang riêng của chị trong thời gian ly thân). Số tiền 120 triệu này chị đã gửi tiết kiệm vào ngày 15-9-2017. Sau đó vào ngày 15-9-2018 chị rút gốc và lãi được tất cả 120 triệu đồng. Chị trích ra khoảng 20 triệu đồng để mua máy tính, ti vi, máy lọc nước cho các con sử dụng học tập và sử dụng trong sinh hoạt chung gia đình. Còn lại 100 triệu đồng chị gửi tiết kiệm lại tại Phòng giao dịch Đ thuộc Chi nhánh ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huện P. Đối với khoản nợ sau khi xây dựng nhà chia hai cho chị chị chưa trả được cho những người chủ nợ như nợ chị Nguyễn Thị Tuyết N 10 chỉ vàng y; nợ chị Đào Thị Bích H 20 triệu đồng để chữa bệnh cho con (Chị N, chị H cùng trú tại thôn G, xã C); nợ vật liệu xây dựng của chị Phạm Thị Thu V 12 triệu đồng tiền vật liệu xây dựng, và sau khi vợ chồng sống chung lại vì phần chị cùng chung trách nhiệm trả nợ cho anh B, nên không có tiền chi tiêu trong gia đình nên chị mượn tiếp của chị Phạm Thị Thu V(chị ruột của chị trú tại thôn C, xã C, huyện P) số tiền 12 triệu đồng (thời gian vợ chồng sống ly thân anh B nợ 70 triệu đồng). Khoảng cuối tháng 8- 2019, vì những người trên đòi nợ nhiều lần nên chị đã rút toàn bộ số tiền gửi tiết kiệm 100 triệu đồng gửi tại Ngân hàng Đ để trả nợ dứt điểm cho họ vào ngày 30-8-2019. Tại tòa anh B yêu cầu phân chia số tiền tiết kiệm chị không đồng ý.

** Tại bản tự khai ngày và biên bản hòa giải ngày 31/ 7/2019; Bản tự khai bổ sung ngày 19-9-2019 và quá trình tham gia tố tụngcũng như tại phiên tòa hôm nay, bị đơn anh Nguyễn Văn B trình bày:*

- Về quan hệ vợ chồng: Về ngày tháng năm, nơi đăng ký kết hôn anh thống nhất như lời trình bày của chị Phạm Thị Thu M. Về nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn trong quan hệ vợ chồng, chủ yếu do tính tình, quan điểm sống không phù hợp. Vào năm 2017, anh có làm đơn xin ly hôn gửi tại tòa án, nhưng tòa án, bạn bè, người thân động viên anh rút đơn chung sống với chị M. Quá trình chung sống lại, chị M bảo thủ yêu cầu anh khắc phục, điều chỉnh cách sống, nhưng bản thân chị M không tự điều chỉnh quan điểm, tính tình của mình; nên cuộc sống chung của vợ chồng không cải thiện được, vợ chồng sống không có hạnh phúc. Tại tòa án, chị M xin ly hôn anh đồng ý. Vì tình cảm vợ chồng thật sự không còn.

- Về con chung: Vợ chồng anh có 02 người con tên Nguyễn Minh H, sinh ngày 22-12-2003; Nguyễn Minh Q, sinh ngày 13-7-2013. Tại phiên tòa hôm nay, anh thống nhất giao 02 cháu Nguyễn Minh H và Nguyễn Minh Q cho chị Phạm Thị Thu M trực tiếp nuôi dưỡng và anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu mỗi tháng 1.000.000đ cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Vợ chồng anh xây dựng 01 ngôi nhà 02 tầng trên diện tích đất ở 100m2, được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2005; tọa lạc tại thôn Cư trú tại: Thôn G, xã C, huyện P. Anh thống nhất giá trị toàn bộ nhà và đất với số tiền 750 triệu đồng. Trước đây, anh yêu cầu xin nhận ngôi nhà và đất ở, nhưng tại phiên tòa hôm nay anh thống nhất giao toàn bộ ngôi nhà và đất ở cho chị M trọn quyền sở hữu, sử dụng và yêu cầu chị M thối lại cho anh ½ giá trị nhà, đất với số tiền 375 triệu đồng sau khi phiên tòa sơ thẩm kết thúc 10 ngày.

Ngoài ra, trước đây anh yêu cầu số tiền chị M gửi tiết kiệm tại Phòng giao dịch ngân hàng Đ thuộc chi nhánh ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện P, tại phiên tòa hôm nay anh không yêu cầu số tiền trên, anh để chị M sử dụng nuôi con. Anh đồng ý số nợ 05 chỉ vàng y vợ chồng nợ của mẹ vợ, vợ chồng tự giải quyết không yêu cầu tòa án giải quyết.

Bản án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm số 37/2019/HNGĐ-ST ngày 03/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Định đã quyết định:

Áp dụng: Điều 8; 9 33, 51, 55 và Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ vợ chồng: Công nhận sự thuận tình ly hôn gữa chị Phạm Thị Thu M và anh Nguyễn Văn B.

[2] Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của anh B, chị M giao 02 cháu Nguyễn Minh H, sinh ngày 22-12-2003; cháu Nguyễn Minh Q, sinh ngày 13-7-2013 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng. Anh B có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu mỗi tháng 1.000.000đ, kể từ tháng 11-2019 cho đến khi 02 cháu đủ 18 tuổi.

Vì quyền lợi của con, các bên có quyền yêu cầu xin thay đổi việc nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

[3] Về tài sản chung: - Công nhận sự thỏa thuận của anh B, chị M giao chị M được trọn quyền sở hữu, sử dụng 01 ngôi nhà 02 tầng xây dựng trên diện tích đất ở 100m^2, thuộc tờ bản đồ số 02, số thửa 685C được Nhà nước giao quyền sử dụng vào năm 2005, tọa lạc tại Cư trú tại: Thôn G, xã C, huyện P. Chị Mai có trách nhiệm thối lại cho anh B số tiền giá trị ½ ngôi nhà và đất ở 375 triệu đồng sau khi kết thúc phiên tòa sơ thẩm 10 ngày.

- Ghi nhận sự tự nguyện của anh B không yêu cầu phân chia toàn bộ số tiền tiết kiệm do chị M đang quản lý.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, tuyên quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 13/10/2019, bị đơn anh Nguyễn Văn B kháng cáo phần chia tài sản chung.

Tại phiên tòa, anh Nguyễn Văn B vẫn giữ nguyên kháng cáo yêu cầu xem xét lại phần chia tài sản chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến tại phiên tòa:

- Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm, Thẩm phán và những người tiến hành tố tụng khác cũng như các bên đương sự đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo hợp lệ, thủ tục kháng cáo đúng theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đối với quan hệ về hôn nhân, con chung không bị kháng cáo, kháng nghị nên không xem xét. Về tài sản chung, tại phiên tòa phúc thẩm anh B đề nghị giao vật dụng gia đình là ti vi, tủ lạnh, bàn ghế, xe máy cho hai con. Chị M đồng ý với yêu cầu của anh B. Tuy nhiên các tài sản nêu trên chưa được cấp sơ thẩm định giá nên không có cơ sở để giải quyết ở cấp phúc thẩm.

- Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Văn B. Giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Văn B trong hạn luật định, hình thức và nội dung đơn đúng quy định, anh Bình đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm đầy đủ.

[2] Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, chị Phạm Thị Thu M và anh Nguyễn Văn B thỏa thuận thuận tình ly hôn và thỏa thuận giải quyết về nuôi con chung nên cấp sơ thẩm đã quyết định công nhận sự thuận tình ly hôn và công nhân thỏa thuận về giải quyết nuôi con chung của anh B và chị M là có căn cứ, đúng pháp luật. Anh B kháng cáo về nội dung chia tài sản chung.

[3] Xét kháng cáo của anh Nguyễn Văn B về nội dung chia tài sản chung, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Anh B và chị M có ngôi nhà 02 tầng xây dựng trên 100m^2 đất ở được nhà nước cấp giấy chứng nhận vào năm 2005, thuộc tờ bản đồ số 02, số thửa 685C, tọa lạc tại thônn G, xã C, huyện P, Bình Định. Quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm, anh B và chị M đều thống nhất giá trị nhà và đất ở là 750.000.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm, chị M và anh B thỏa thuận nội dung: Anh B giao toàn bộ ngôi nhà và đất ở cho chị M trọn quyền sở hữu, sử dụng và chị M có trách nhiệm thanh toán lại cho anh B ½ giá trị nhà, đất với số tiền là 375.000.000 đồng sau khi phiên tòa sơ thẩm kết thúc 10 ngày. Và thực tế, vào ngày 11/10/2019, chị M đã giao đủ số tiền 375.000.000 đồng cho anh B.

[3.2] Đối với số tiền 100.000.000 đồng chị M gửi tiết kiệm tại Phòng giao dịch ngân hàng Đ thuộc chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện P. Tại phiên tòa sơ thẩm, anh B không yêu cầu phân chia số tiền này mà thống nhất giao cho chị M sở hữu, sử dụng số tiền này để nuôi các con. Do đó, cấp sơ thẩm công nhận sự thỏa thuận này của anh B, chị M về số tiền 100.000.000 đồng tiết kiệm này là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm anh B trình bày anh kháng cáo nội dung này để cho chị M biết.

[3.3] Đối với 05 chỉ vàng y anh B, chị M nợ của mẹ ruột chị M chị M, anh Bình tự giải quyết không yêu cầu tòa án giải quyết, nên cấp sơ thẩm không xem xét là có cơ sở.

[3.4] Đối với tài sản là vật dụng sinh hoạt, giải trí trong nhà gồm: 01 ti vi nối mạng, 01 ti vi không nối mạng, 01 tủ lạnh, 01 máy tính laptop, 01 tủ thờ, 01 bộ bàn ghế, giường, tủ, xoang, nồi...tất cả các loại tài sản này, tại phiên tòa phúc thẩm anh B, chị M đồng ý để cho hai con chung, chị M chỉ được quyền sử dụng không được định đoạt. Tuy nhiên, các tài sản nêu trên chưa được cấp sơ thẩm định giá nên không có cơ sở để giải quyết ở cấp phúc thẩm.

[4] Từ những phân tích nói trên, Hội đồng xét xử xét thấy không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Văn B về phần tài sản chung. Giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm số 37/2019/HNGĐ-ST ngày 03/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Định.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Anh Nguyễn Văn B phải chịu 300.000đ án phí phúc thẩm.

[6] Phát biểu của đại diện VKSND tỉnh Bình Định tại phiên tòa về việc tuân thủ theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng và về việc giải quyết vụ án là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 33; Điều 59; Điều 62 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

2. Không chấp nhận kháng cáo về phần tài sản chung của bị đơn anh Nguyễn Văn B. Giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

3.Về tài sản chung:

- Công nhận sự thỏa thuận của anh B, chị M giao chị M được trọn quyền sở hữu, sử dụng ngôi nhà 02 tầng xây dựng trên diện tích đất ở 100m^2, thuộc tờ bản đồ số 02, số thửa 685C được Nhà nước giao quyền sử dụng vào năm 2005, tọa lạc tại Thôn G, xã C, huyện P, Bình Định. Chị M có trách nhiệm thối lại cho anh B số tiền giá trị ½ ngôi nhà và đất ở là 375.000.000 đồng sau khi kết thúc phiên tòa sơ thẩm 10 ngày. Ngày 11/10/2019 anh B đã nhận đủ số tiền 375.000.000 đồng (Ba trăm bảy mươi lăm triệu đồng).

- Ghi nhận sự tự nguyện của anh B không yêu cầu phân chia toàn bộ số tiền tiết kiệm 100.000.000 đồng do chị M gửi tiết kiệm tại Phòng giao dịch Ngân hàng Đ thuộc chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện P. Anh B thống nhất giao cho chị M sở hữu, sử dụng số tiền này để nuôi các con chung.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Văn B phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí phúc thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí anh B đã nộp theo biên lai thu tiền số 0007222 ngày 30 tháng 10 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P.

5. Kể từ khi người có quyền có đơn yêu cầu thi hành án mà người có nghĩa vụ không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì người có nghĩa vụ còn phải chịu một khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

8. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- Các đương sự;
- Cơ quan THADS huyện Phù Cát;
- TAND huyện Phù Cát;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Nghĩa